

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2018/HSST.

Ngày: 12/7/2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Tấn Hiếu.

Các vị hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Kim Phụng;

2. Ông Bùi Văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Hiền, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh tham gia phiên tòa: Ông Lâm Xuân Long, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 30/2018/HSST, ngày 24 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2018/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm Huỳnh Nhựt T, sinh năm 1975, tại Đồng Tháp; hộ khẩu thường trú: Ấp G, xã Bi, huyện Tân Hồng, Đồng Tháp; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Giáo viên; trình độ học vấn: 12/12; cha: Phạm Ngọc T; mẹ: Huỳnh Kim Đ; có vợ đã ly hôn, có 1 người con sinh năm 2002; tiền sự, tiền án: Không; bắt tạm giam ngày 30/3/2018.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Công ty TNHH một thành viên T Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp: Nguyễn Văn T, chức vụ: Chủ tịch kiêm Giám đốc, là đại diện theo pháp luật (Có mặt).

Địa chỉ: Số A, Nguyễn Thị L, phường B, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp.

- Người làm chứng:

1/ Nguyễn Thị N, sinh năm 1985 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện Tân Hồng, Đồng Tháp.

2/ Đoàn Ái N, sinh năm 1981 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số K, Huỳnh Công C, khóm H, thị trấn S, huyện Tân Hồng, Đồng Tháp.

3/ Nguyễn Trung T, sinh năm 1987 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã Phú L, huyện Châu Thành, Đồng Tháp.

4/ Nguyễn Thị T, sinh năm 1976 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số N, đường H, thị trấn S, huyện Tân Hồng, Đồng Tháp.

- 5/ Phan Văn L, sinh năm 1975 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện Thanh Bình, Đồng Tháp.
- 6/ Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1992 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện Tân Hồng, Đồng Tháp.
- 7/ Dương Thúy P, sinh năm 1958 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Số C, đường N, thị trấn S, huyện Tân Hồng, Đồng Tháp.
- 8/ Huỳnh Văn P, sinh năm 1987 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Số AB, đường V, xã T, huyện Thanh Bình, Đồng Tháp.
- 9/ Mật Bích A, sinh năm 1964 (Vắng mặt).
Địa chỉ: A, Chợ M, ấp K, xã T, huyện Lấp Vò, Đồng Tháp.
- 10/ Nguyễn Thùy T, sinh năm 1975 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện Lấp Vò, Đồng Tháp.
- 11/ Nguyễn Thị Ngọc G, sinh năm 1990 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện Lai Vung, Đồng Tháp.
- 12/ Nguyễn Thị Mai X, sinh năm 1987 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp H, xã V, huyện Lai Vung, Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T Đồng Tháp (*gọi tắt là Công ty*), đăng ký kinh doanh ngành, nghề kinh doanh buôn bán dược phẩm.

Phạm Huỳnh Nhựt T xin vào Công ty T thực hiện nhiệm vụ giao thuốc và thu tiền từ các nhà thuốc tây ở các huyện trong tỉnh Đồng Tháp từ ngày 25/5/2016, (giữa 02 bên không ký kết hợp đồng lao động, nhưng có quyết định phân công nhiệm vụ).

Quy định về thực hiện nhiệm vụ thể hiện: Công ty cấp cho T mỗi nhà thuốc 01 quyển sổ theo dõi, khi giao thuốc theo hóa đơn đã xuất kho thì Trường sẽ ghi vào sổ cho các nhà thuốc xác nhận, nếu nợ thì xác nhận còn nợ lại, nếu thanh toán thì xác nhận đã thanh toán đủ. Cuối ngày, T sẽ đem sổ về đối chiếu với Công ty và nộp tiền.

Từ tháng 8/2016 đến tháng 11/2016, lợi dụng một số nhà thuốc không ký tên xác nhận khi trả tiền hoặc T không đưa sổ cho các nhà thuốc ký tên xác nhận thì Trường tự ghi vào sổ là khách hàng nợ lại. Đến đợt giao hàng sau, các nhà thuốc thanh toán tiền đầy đủ, T về giao nộp cho Công ty bằng số tiền của lần giao hàng trước và báo gian dối là khách hàng nợ gởi đầu. Tổng cộng T đã chiếm đoạt 74.089.200 đồng của Công ty tiêu xài cá nhân hết không có khả năng trả. Sợ bị phát hiện nên ngày 09/11/2016, T vứt bỏ các sổ theo dõi việc giao hàng rồi điện thoại báo gian dối cho Công ty biết là vợ đã ly hôn của T tên Phan Thị L chết, nên phải lo tang lễ nhưng thực chất T bỏ trốn lên tỉnh Bình Dương, sau đó đến huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum. Đến ngày 16/11/2016, thì anh T liên hệ điện thoại với T không được nên nghi ngờ cử

nhân viên đến 12 nhà thuốc xác minh thì các nhà thuốc xác nhận đã thanh toán đầy đủ tiền cho Trường, cụ thể:

- 1/ Nhà thuốc N số tiền 8.659.000 đồng;
- 2/ Nhà thuốc P số tiền 2.022.000 đồng;
- 3/ Nhà thuốc T số tiền 2.212.000 đồng;
- 4/ Nhà thuốc TL số tiền 18.029.400 đồng;
- 5/ Nhà thuốc M số tiền 3.351.800 đồng;
- 6/ Nhà thuốc NH số tiền 3.660.000 đồng;
- 7/ Nhà thuốc VT số tiền 2.122.000 đồng;
- 8/ Nhà thuốc TM số tiền 9.794.000 đồng;
- 9/ Nhà thuốc MĐ số tiền 5.015.000 đồng;
- 10/ Nhà thuốc ĐH số tiền 4.459.000 đồng;
- 11/ Nhà thuốc TN số tiền 3.880.000 đồng;
- 12/ Nhà thuốc HA số tiền 10.885.000 đồng.

Không liên lạc được với bị cáo T, anh T đến Trường TCC 3 thì được biết T đã xin nghỉ vào ngày 21/11/2016 và đến nhà chị L thì thấy chị L vẫn còn sống. Ngày 22/11/2016, anh T làm đơn tố giác hành vi của bị cáo T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Lãnh.

Sau khi bỏ trốn đến ngày 07/12/2017, T đến Phòng Cảnh sát truy nã tội phạm trình diện. Tại Cơ quan điều tra, bị cáo T khai nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên, phù hợp với lời khai bị hại, phiếu giao hàng, biên bản xác nhận thu công nợ, biên bản đối chiếu công nợ và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại cáo trạng số 32/CT-VKSTPCL, ngày 24/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Cao Lãnh truy tố bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2, Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo như trên. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, khoản 1 Điều 52 và Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã được bồi thường xong, không yêu cầu về gì thêm, nên không đặt ra xem xét.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi của bị cáo bị truy tố: Bị cáo T xin vào Công ty T làm việc từ ngày 25/5/2016, thực hiện nhiệm vụ giao thuốc và thu tiền từ các nhà thuốc tây ở các huyện trong tỉnh Đồng Tháp từ ngày 25/5/2016. Công ty cấp cho T mỗi nhà thuốc 01 quyển sổ theo dõi, khi giao thuốc theo hóa đơn đã xuất kho thì T sẽ ghi vào sổ cho các nhà thuốc xác nhận, nếu nợ thì xác nhận

còn nợ lại, nếu thanh toán thì xác nhận đã thanh toán đủ. Cuối ngày, T sẽ đem sổ về đối chiếu với Công ty và nộp tiền.

Từ tháng 8/2016 đến tháng 11/2016, lợi dụng một số nhà thuốc không ký tên xác nhận khi trả tiền hoặc T cố ý không đưa sổ cho các nhà thuốc ký tên xác nhận thì T tự ghi vào sổ là khách hàng nợ lại. Đến đợt giao hàng sau, các nhà thuốc thanh toán tiền đầy đủ, T về giao nộp cho Công ty bằng sổ tiền của lần giao hàng trước và báo gian dối là khách hàng nợ gởi đầu. Tổng cộng T đã chiếm đoạt của công ty 74.089.200 đồng.

Tại phiên tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát khẳng định Cáo trạng truy tố bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, không có ý kiến tranh luận. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời trình bày của người bị hại, người làm chứng và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[2] Trong quá trình điều tra, truy tố Điều tra viên và Kiểm sát viên tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; tại phiên tòa Kiểm sát viên đã thực hiện đúng với quyền hạn và nhiệm vụ theo quy định.

[3] Bị cáo là người đã thành niên, đủ tuổi trách nhiệm hình sự theo quy định. Do không tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của công ty T, nên sau khi giao thuốc, nhận tiền của các nhà thuốc xong về báo lại với anh T là họ chưa trả tiền để chiếm đoạt, hành vi ấy xâm phạm đến tài sản hợp pháp của Công ty 74.089.200 đồng.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử kết luận hành vi phạm tội của bị cáo đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2, Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015.

Hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người bị hại, mà còn gây mất trật tự trị an ở địa phương, hành vi ấy là nguy hiểm cho xã hội. Do đó, cần phải có mức án, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt và răn đe, phòng ngừa chung.

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo tác động gia đình nộp tiền bồi thường khắc phục hậu quả, người bị hại bãi nại cho bị cáo, bị cáo là giáo viên được tặng kỷ niệm chương đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

- Trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, người bị hại không yêu cầu nên không xem xét.

- Xét ý kiến của người bị hại: Tại phiên tòa anh T xin cho bị cáo được hưởng án treo. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có tình tiết tăng nặng là phạm

tội nhiều lần, nên không thuộc trường hợp được hưởng án treo được hướng dẫn tại Nghị Quyết 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 24/4/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phạm Huỳnh Nhựt T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b s khoản 1 và khoản 2, Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Huỳnh Nhựt T 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/3/2018.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu, nên không xem xét.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo T phải chịu 200.000 đồng.

Bị cáo và người bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND TPCL;
- Công an TPCL;
- Đường sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Tấn Hiếu